

Tập 14

Xin mở kinh bốn, xem hàng thứ hai trong trang bảy mươi ba.

Đoạn văn này có bốn câu, nói rõ tiêu chuẩn tịnh uế trong bốn cõi Tịnh Độ. Câu đầu tiên là phân định theo sự nặng nhẹ của Ngũ Trược, đó là cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Câu thứ hai nói về cõi Phương Tiện Hữu Dư, chính là “*Tích Thể xảo chuyết*”, luận định sự tịnh uế trong cõi Phương Tiện Hữu Dư từ chỗ này. Tích (析) là phân tích, Thể (體) là thấu hiểu. Từ phân tích, bèn nhận thức vạn pháp đều là Không (đó là Tích Không Quán), phương pháp này hơi vụng về. Có thể lập tức lãnh hội [vạn pháp đều là Không, đó là Thể Không Quán]. Căn tánh này tương đối nhạy bén hơn. Do đó, Thể Không Quán là cõi Phương Tiện tịnh, Tích Không Quán là cõi Phương Tiện uế. Phân chia theo cách như vậy.

Câu thứ ba là nói về cõi Thật Báo, nói tới Tam Quán. Thứ Đệ Tam Quán là cõi Thật Báo uế, Nhất Tâm Tam Quán là cõi Thật Báo tịnh.

Cõi Thường Tịch Quang [được phân định tịnh hay uế dựa trên] Phần Chứng và Cứu Cánh. Phần Chứng: Từ Viên Giáo Sơ Trụ đến Đẳng Giác Bồ Tát đều là Tịch Quang uế độ. Cứu Cánh Giác là đã thành Phật, đoạn sạch một phẩm sanh tướng vô minh cuối cùng, đó là Tịch Quang Tịnh Độ. Do đó trong kinh Đại Thừa có nói: “*Duy Phật nhất nhân cư Tịnh Độ*” (Chỉ có một mình Phật ngự trong cõi Tịnh Độ). Cõi Tịnh Độ ấy phải là Thường Tịch Quang Tịnh Độ. Chúng ta phải nên biết những điều này là nói đại lược.

Đoạn văn tiếp đó nhằm giảng rõ ràng, tỉ mỉ bốn cõi Tịnh Độ. Trong hàng thứ nhất và thứ hai nơi trang bảy mươi bốn, thuyết minh cõi Đồng Cư. Đoạn kể từ hàng thứ ba trong trang bảy mươi lăm nói về cõi Phương Tiện Hữu Dư. Nơi hàng thứ nhất trong trang bảy mươi bảy, có bốn dòng nói về cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Trong trang bảy mươi tám, xem từ hàng thứ ba, hai hàng và một câu giảng về cõi Thường Tịch Quang. Kinh văn và chú giải trong các đoạn ấy nói khá cặn kẽ. Đối với bốn loại Tịnh Độ này, trong khi giảng kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, do đã từng nói, nên chúng tôi tinh lược đoạn văn này, vì cũng chẳng quan trọng cho lắm. Bởi lẽ, thời gian dành cho khóa giảng này khá ngắn, chúng ta phải chọn lựa những điểm quan trọng có liên quan đến sự tu hành của chúng ta để nói nhiều hơn một chút.

Sau đó là tổng kết, trong trang bảy mươi chín, hàng thứ tư đếm từ dưới lên: “*Cố dĩ tu tâm diệu quán, năng cảm Tịnh Độ, vì kinh Tông đã*” (Nên lấy “tu tâm diệu quán có thể cảm Tịnh Độ” làm Tông của kinh).

Chúng ta lật sang trang tám mươi, xem chú giải. Hàng thứ nhất trong trang tám mươi, xem từ chữ thứ tư: *“Thích đề Tam Quán, vi bị hà nhân, vi hà xứ dụng, tu tri chánh vị sanh Đồng Cư tịnh, cố thuyết Tam Quán”* (Dùng Tam Quán để giải thích tựa đề kinh là nhằm thích ứng với hạng người nào, dùng vào chỗ nào? Hãy nên biết: Chính vì người sẽ sanh vào Đồng Cư Tịnh Độ mà nói Tam Quán). Đây là mục đích của việc đức Phật nói kinh và các tổ sư đại đức giảng giải bộ kinh này, dụng ý hoàn toàn nhắm vào cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Vì sao? Vì nói thật ra, chúng ta thật sự có phần nơi cõi Phạm Thánh Đồng Cư. Ba cõi Tịnh Độ trên, chúng ta chưa chắc đã có phần, nhưng xác thực là có phần trong cõi [Đồng Cư Tịnh Độ] này. Tuy thế, chúng ta đã đọc từ kinh Vô Lượng Thọ, Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới bình đẳng. Dầu là hạ hạ phẩm vãng sanh trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư, vẫn cũng có thể đạt được sự thụ dụng của thượng thượng phẩm trong cõi Thật Báo. Điều này hết sức chẳng thể nghĩ bàn! Trong hết thấy các kinh, chẳng có cách nói này. Trong hết thấy các cõi Phật, cũng chưa nghe đức Phật nói kiểu này. Đó là sự thù thắng trong thế giới Tây Phương. Vì thế, hết thấy chư Phật đều khuyên chúng sanh cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói cách khác, Tịnh Độ của mười phương thế giới chư Phật là bất bình đẳng. Thích Ca Mâu Ni Phật có Tịnh Độ, cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Thích Ca Mâu Ni Phật tuyệt đối chẳng kém Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng chúng không ở cùng một chỗ. Bốn cõi trong thế giới Tây Phương ở cùng một chỗ, sanh về một là sanh về hết thấy. Đó là chỗ khiến cho Tịnh Độ của đức Bổn Sư chẳng bằng Tịnh Độ của A Di Đà Phật, chứ không phải là đức Bổn Sư chẳng có Tịnh Độ. Chúng ta phải biết chân tướng sự thật này, mới hiểu vì sao đức Thế Tôn chẳng khuyên chúng ta sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chính Ngài, mà khuyên sanh về cõi Phạm Thánh Đồng Cư của A Di Đà Phật, lý do ở ngay chỗ này.

Vì vậy, chúng ta nhất định phải hiểu người nào có đủ tư cách để tu tập phương pháp tu hành được giảng trong bộ kinh này? *“Vi bị hà nhân?”* nghĩa là người nào có đủ điều kiện và tư cách để tu. *“Vi hà xứ dụng?”* nghĩa là tu học pháp môn này có lợi ích gì? Có ưu điểm gì? Kế đó là nói rõ ràng. Đó là điều cần phải biết, ắt cần phải biết: Chính vì [những kẻ sẽ] sanh về cõi Đồng Cư Tịnh Độ mà nói Tam Quán. Nay chúng ta nương theo phương pháp này để tu hành, nói thẳng thừng, xác thực là *“vì cõi Phạm Thánh Đồng Cư Tịnh Độ”*. *“Tùy kỳ Hoặc đoạn thiên thâm chi xứ, tự nhiên cảm đắc hữu dư đẳng tam, phi cần vi cảm Thật Báo,*

Tịch Quang, thuyết Tam Quán dã” (Tùy theo mức độ đoạn Hoặc cạn hay sâu mà tự nhiên cảm được ba cõi còn lại, chẳng phải chỉ vì cảm cõi Thật Báo hay cõi Tịch Quang mà nói Tam Quán). Chính vì ý Phật như vậy, nên mới có thể phổ độ chúng sanh trong chín giới, ngay cả ác đạo, Ngũ Nghịch, Thập Ác, tướng địa ngục hiện tiền, đều có thể đắc độ. Đây là bi tâm triệt để của Như Lai, hiển thị sự rộng lớn vô biên của pháp môn này. Còn như tiến lên ba thứ Tịnh Độ cao hơn, sẽ tùy thuộc sự tu hành đoạn Hoặc của chúng ta là sâu hay cạn. Nếu mức độ đoạn Hoặc của chúng ta sâu, sẽ tự nhiên tiến cao hơn; mức độ đoạn Hoặc nông cạn, cũng có thể sanh trong cõi Phương Tiện. Nói tóm lại, đều có thể vãng sanh! Đây mới là dụng ý thật sự khi đức Phật nói pháp môn này, tổ sư đại đức giảng kinh nhằm đến mục đích này.

Đoạn kế tiếp nói về Dụng, tức Luận Dụng. Phần trước nói về sự tu nhân, chỗ này nói về kết quả. Chúng ta nương theo phương pháp này để tu hành, sau khi đã tu sẽ có tác dụng gì? Có lợi ích gì? Ở đây, sẽ nêu ra lợi ích. *“Tứ, luận Dụng. Tông thị tự hành sở tu chi pháp”* (Bốn là luận về tác dụng. Tông là pháp để tự hành, tu tập), tức là phương pháp để chúng ta tự tu, *“Dụng thị lợi tha sở thi chi pháp”* (Dụng là pháp được lập ra nhằm lợi ích người khác). Dụng chủ yếu là nói đến lợi ích. Đã có thể lợi tha, đương nhiên tự lợi. Chính mình chẳng đạt được lợi ích, làm sao có thể lợi lạc người khác? Vì thế, nói đơn giản thì có thể nói Dụng là sự lợi ích do tu hành. Lợi ích bao gồm Tự Thụ Dụng và Tha Thụ Dụng. *“Tự hành thú Lý”* (Tự hành nhằm hướng đến Lý), chính mình hiểu Lý, chứng quả, *“cố minh diệu quán, lợi tha nhiếp cơ”* (vì thế, nói ra diệu quán nhằm lợi ích người khác, nhiếp thọ căn cơ). *“Lợi tha”* là có thể giúp đỡ người khác. Bản thân chúng ta đạt được lợi ích, nhất định phải đem lợi ích ấy giới thiệu với người khác, chớ nên tự tư tự lợi. Vì tự tư tự lợi chẳng phải là tâm Đại Thừa, chẳng giống tâm của A Di Đà Phật, tâm chư Phật, và tâm Bồ Tát. Tâm khác nhau; nói cách khác, chẳng cùng chí hướng với các Ngài. Chẳng cùng chí hướng, đâu có vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng chẳng có cách nào ở chung, vì sao? Tâm khác nhau, chẳng thể ở chung. Cách nghĩ, cách nhìn, các làm khác nhau, làm sao có thể ở chung với nhau cho được? Vì thế, muốn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ắt phải là đại khái có cách nghĩ, cách nhìn, cách làm giống như A Di Đà Phật và đại chúng, chí đồng đạo hợp thì mới có thể hoan hỷ cùng ở chung với nhau.

Đức Phật dạy chúng ta tu Lục Hòa Kính, Tây Phương Cực Lạc là một tăng đoàn Lục Hòa Kính viên mãn nhất. Nếu chúng ta chẳng tu Lục

Hòa Kính, sẽ không thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới được. Dẫu niệm Phật tốt đẹp cách mấy, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, vẫn chẳng thể vãng sanh! Tu Lục Hòa Kính từ chỗ nào? Phải tu ngay trong hiện tại, ngàn vạn phần đừng nghĩ hiện thời ta chẳng tu không sao, đến Tây Phương Cực Lạc rồi mới tu. Hiện thời chẳng có cơ sở này, người trong thế giới Tây Phương sẽ chẳng muốn quý vị. Vì vậy, Lục Hòa vô cùng quan trọng. A Di Đà Phật kiến lập thế giới Tây Phương nhằm dụng ý mong phổ độ hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới, chúng ta phải đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với A Di Đà Phật. Chúng ta thọ trì kinh Vô Lượng Thọ, thọ trì năm kinh một luận của Tịnh Tông cũng nhằm mục đích ấy.

“Hợp thông chúng thiện, tha nghi diệu quán, diệc tu giáo tu, tự hành trợ đạo, khởi phé chúng thiện. Thị cố Tông Dụng, pháp tất tề đẳng, đản hữu tự hành hóa tha chi dị nhĩ” (Bao gồm trọn các điều thiện thì cũng cần phải dạy tu các pháp diệu quán đáng nên tu tập khác. Tự hành trợ đạo, há nên bỏ các điều thiện? Vì thế, đối với các pháp thuộc Tông và Dụng thấy đều hành trọn, chỉ là có tự hành và hóa tha sai khác đó thôi). Tự hành là hóa tha (hóa độ người khác), hóa tha là tự hành; tự hành và hóa tha là một chuyện. Hóa tha phải có cơ duyên. Cơ duyên chưa chín muồi thì chính mình nhất định phải [tu tập sao cho] bản thân trọn đủ [các năng lực hóa tha]. Cơ duyên đã chín muồi, nhất định phải tận tâm tận lực giúp đỡ người khác. Có thể thấy: Tự hành nhằm chuẩn bị cho hóa tha, hóa tha chính là tác dụng to lớn của tự hành được hiện tiền. Thật sự là cùng một chuyện! Tuy là một chuyện, nhưng xét theo hình tượng, bèn có sai biệt, nhất định phải biết điều này. Sau khi đã biết, mới biết tự hành chẳng phải vì tự tư tự lợi, chẳng phải là Tiểu Thừa, mà do duyên còn chưa chín muồi. Bản thân ta đức hạnh vẫn chưa đầy đủ, nay đang nỗ lực tu học. Trong buổi đầu của quá trình tu học, có nguyện hóa tha, nhưng chưa có hạnh hóa tha, vì chưa đủ sức để hành. Do đó, trước hết phải làm sao chính mình trọn đủ. Chẳng phải là không cho phép quý vị học rộng, nghe nhiều, nhưng trong giai đoạn thứ nhất là mong quý vị trước hết hãy đoạn phiền não, cho nên phải buông học rộng nghe nhiều xuống! Khi đoạn phiền não, nhất định là chẳng thể học rộng nghe nhiều. Hễ học rộng nghe nhiều, sẽ chẳng thể đoạn phiền não, mà chỉ là tăng trưởng tà kiến. Nói cách khác, tăng trưởng tà kiến là tăng trưởng phiền não. Ta muốn đoạn phiền não, mà lại tăng trưởng phiền não, làm sao có thể đoạn phiền não cho được?

Vì thế, giai đoạn tu hành thứ nhất là tu tâm thanh tịnh, buông xuống vạn duyên, khiến cho cái tâm định, chớ nên phan duyên. Khi ấy, chuyện tốt chẳng bằng vô sự, phải tu điều này. Đến khi chính mình đã thật sự trọn đủ, có năng lực, hề có duyên, nhất định phải giúp đỡ người khác. Chẳng giúp đỡ người khác tức là thiếu lòng từ bi. Khi ấy, bèn học rộng nghe nhiều, lợi ích chúng sanh. Vì lẽ đó, tự hành hóa tha là có giai đoạn, có thứ tự, nhất định phải biết điều này. Nếu rối loạn thứ tự, rất đáng tiếc, lãng phí thời gian và tinh lực, đến cuối cùng, chẳng thành một chuyện gì, rất đáng tiếc!

Tiếp theo đó là chánh thức giải thích phần Luận Dụng. “*Thứ biện kinh dụng. Dụng giả, lực dụng dã. Sanh thiện diệt ác, vi kinh lực dụng*” (Kê lên là biện định Dụng của kinh. Dụng là lực dụng. Sanh thiện, diệt ác là lực dụng của kinh). “*Sao vân, hành giả ưng tri Thế, Tông, Dụng tam, biệt minh tam pháp*” (Lời Sao giảng: “Hành giả nên biết ba thứ Thế, Tông, Dụng, nói thành ba pháp riêng biệt”). Nhìn từ hình tướng, nói theo tác dụng sẽ là ba chuyện, nhưng nói theo Thế bèn là một chuyện. “*Nãi tòng nhất tánh*” (Nhưng đều xuất phát từ một tánh), ba chuyện ấy đều chẳng tách lìa tự tánh. “*Khởi u nhị tu. Thế thị Pháp Thân, sở hiển tánh dã, Tông thị Bát Nhã, năng hiển Trí dã. Dụng thị Giải Thoát, sở khởi lực dã*” (Khởi lên hai thứ tu tập [là Bát Nhã và Giải Thoát]. Thế là Pháp Thân, là cái tánh sẽ được hiển lộ [qua hai thứ tu tập]. Tông là Bát Nhã, chính là cái Trí có thể hiển [cái tánh ấy]. Dụng là Giải Thoát, là lực được dấy lên [từ cái tánh ấy]). Thế là một, “*nhị tu*” là Bát Nhã và Giải Thoát. “*Nhị tuy tu thành, tu tri bốn cụ*” (Hai thứ ấy (Bát Nhã và Giải Thoát) tuy do tu thành, nhưng cần biết là chúng vốn sẵn có). Thật ra, [những cái được gọi là] “*tu thành*” vốn sẵn trọn đủ trong bản tánh. Nếu tánh chẳng vốn sẵn có, dẫu tu, cũng chẳng thể thành tựu. Vô lượng trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh. Chính vì vốn sẵn có, nên trong các bộ kinh Đại Thừa, đức Phật đã nói “*viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc*”. [Ý nói]: Quý vị tu thành Phật, bèn đạt được gì? Thứ gì cũng chẳng đạt được! Thứ gì cũng chẳng đạt được, chính là chẳng thiếu khuyết thứ gì. Thứ gì cũng chẳng thiếu khuyết vì tự tánh vốn sẵn trọn đủ, chẳng phải là từ bên ngoài mà có. Bên ngoài chẳng có một pháp nào để đạt được. Thật sự hiểu rõ bên ngoài chẳng có một pháp nào để có thể đạt được, nên chúng ta mới thật sự quay về tu nơi tánh, tu nơi tự tánh. Phải ghi nhớ: Bên ngoài chẳng có một pháp nào để có thể đạt được!

Nay mọi người đều quên khuấy chuyện này, đều cầu pháp ngoài tâm. Cầu pháp ngoài tâm sẽ cầu được gì? Những gì cầu được toàn là của

người khác. Ví như học giảng kinh, chẳng tu tự tánh, chẳng tu sao cho cái tâm của chính mình thanh tịnh, cứ đi tìm chú giải của người khác. Xem kinh điển của Thích Ca Mâu Ni Phật để nghiên cứu, [vậy thì] giảng cả đời vẫn là giảng những chuyện của Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng phải là của chính mình. Nương theo chú giải của cổ nhân thì toàn bộ đều là những thứ thuộc về cổ nhân, chẳng có mấy may gì liên quan đến tự tánh, đó là sai lầm. Người thật sự biết tu, tuy triển khai các kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, nhưng kinh điển hề triển khai bèn tương ứng với tự tánh của chính mình. Nhờ vào kinh bản của Phật để triển khai Quán Vô Lượng Thọ Kinh trong tự tánh của ta, dẫn khởi kinh trong tự tánh của ta. Ta giảng là giảng Quán Vô Lượng Thọ Kinh trong tự tánh của ta, chẳng phải là Quán Vô Lượng Thọ Kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật. Tự tánh vốn sẵn có kinh điển ấy, giống hệt như kinh điển do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, chẳng hai, chẳng khác. Phải tu theo cách như vậy! Đó là đức Phật dạy chúng ta ý nghĩa chân chánh của Phật!

Giống như nến, nên thấp sáng. Bản thân ta là một ngọn nến, ta nhờ vào ánh sáng của nó để thấp sáng [chính mình], đó là đúng. Nhờ vào ánh sáng của nó để thấp sáng, bản thân ta tỏa sáng, quang minh tỏa ra chẳng khác quang minh của nến. Tuyệt đối chẳng phải là ta đi theo ánh sáng của nó, vĩnh viễn được nó chiếu sáng, chính mình chẳng thể tỏa ánh sáng. [Nếu chấp nhận bị chiếu sáng vĩnh viễn như vậy] thì sai mất rồi! Chư vị phải luôn hiểu rõ ý nghĩa này. Sanh thiện, diệt ác, ác là vọng tưởng, chấp trước, thiện là vô lượng trí huệ và đức năng vốn sẵn trọn đủ trong bản tánh. Cũng có thể nói ác là các thứ chướng ngại trong bản tánh, xóa trừ những chướng ngại ấy, khiến cho trí huệ và đức năng trong bản tánh của chúng ta hiện tiền, đó là đúng. Đó là thật sự sanh thiện, diệt ác, là tác dụng của kinh này.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp, phần Sớ trong trang tám mươi một, hàng thứ năm từ dưới đếm lên: “*Diệt ác, cố ngôn Lực*” (Do diệt ác, nên nói là Lực), vì kinh có tác dụng giúp chúng ta đoạn hết thủy ác. Dựa theo ý nghĩa này, chúng ta nói kinh có sức mạnh, có sức tác dụng. “*Sanh thiện, cố ngôn Dụng*” (Do sanh điều thiện, nên nói là Dụng), nó có thể hiển phát Tánh Đức trong bản tánh, đó là chỗ hữu dụng. “*Diệt ác, cố ngôn Công*” (Do diệt ác, nên nói là Công), ở đây cũng nêu ra định nghĩa của hai chữ Công Đức rất rõ ràng. Công là gì? Công là diệt ác. Đức là gì? Đức là sanh thiện. Hiện thời có rất nhiều người hiểu lầm hai chữ Công Đức, ngữ Công Đức là gì? Đến chùa miếu, quyên tặng một chút tiền, tức là chúng ta đã làm rất nhiều công đức! Dầu quý vị quyên tặng

tiền bạc nhiều đến mấy, làm chuyện tốt nhiều đến mấy, ác niệm của quý vị có đoạn sạch hay không? Tánh Đức có hiện tiền hay không? Nếu làm rất nhiều chuyện tốt, mà ác niệm chẳng đoạn hết, Tánh Đức chẳng hiện tiền, một tí công đức cũng chẳng có!

Khi Đạt Ma Tổ Sư vừa đến Trung Quốc, nhằm đúng lúc Lương Vũ Đế đang cầm quyền. Lương Vũ Đế là đại hộ pháp lừng danh của Phật môn trong lịch sử Trung Quốc. Ông ta dựa vào sự tôn quý của ngôi đế vương, dùng tài lực của quốc gia để kiến tạo bốn trăm tám mươi ngôi chùa, độ mấy chục vạn người xuất gia, ông ta cúng dường. Sau khi Đạt Ma Tổ Sư đến [Trung Quốc], Lương Vũ Đế đến yết kiến, hướng về Đạt Ma Tổ Sư thỉnh giáo: “Công đức của trẫm có lớn hay chẳng?” Đạt Ma Tổ Sư nói lời thật thà: “Trọn chẳng có công đức”. Nói theo định nghĩa công đức ở đây, nhà vua chẳng có công đức. Lương Vũ Đế bực bội, chẳng hộ trì Tổ, nên Tổ phải đến chùa Thiếu Lâm ngồi nhìn vách chín năm, chờ đợi Huệ Khả. Nói thật ra, những gì Lương Vũ Đế đã làm là gì? Là phước đức. Nếu vua nói “phước đức của ta có lớn hay không?” [Tổ sẽ trả lời]: Phước đức ấy rất lớn, chứ công đức không có. Công đức là đoạn phiền não, hiển lộ bản tánh, đó là công đức.

Do vậy, chư vị phải hiểu, trì giới có công đức hay không? Nếu trì giới đắc Định, giới ấy là công đức. Nếu trì giới chẳng thể đắc Định, trì giới sẽ là phước đức. Nói thật ra, tôi nói lời này còn phạm khuyết điểm, nhất định là phải khai Huệ thì Định mới là công đức. Nếu có Định mà chẳng khai Huệ, thì Định ấy vẫn là phước đức. Nếu Định đã là phước đức, đương nhiên Giới là phước đức. Bởi lẽ, do Giới sanh Định, do Định khai Huệ, nhất định phải khai Huệ thì Giới và Định ở phía trước mới là công đức. Nếu Huệ chẳng khai, Giới và Định đều là phước đức. Đắc Định bèn sanh trong Sắc Giới Thiên hoặc Vô Sắc Giới Thiên, chẳng thể thoát khỏi tam giới. Chẳng thoát khỏi tam giới, chẳng thể coi là có công đức. Chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa được bao hàm trong danh từ này. Vì thế, trì giới như thế nào thì mới có thể đắc Định? Trì giới nếu chẳng quản người khác [có trì giới hay không] liền đắc Định. Chính mình trì giới rất thanh tịnh, nhưng thấy kẻ này phá giới, kẻ nọ phạm giới, trong tâm bực bội. Quý vị nghĩ xem, làm sao người ấy đắc Định cho được? Tuy giới luật của chính người ấy rất thanh tịnh, nhưng thường sanh phiền não. Thấy người khác phá giới, trong tâm chẳng thoải mái, muốn chửi kẻ khác, muốn phê bình kẻ khác, trong tâm nẩy sanh kiêu căng, ngã mạn: “Ta giới luật tinh nghiêm, các người chẳng bằng ta”. Kẻ ấy noi theo khuôn mẫu ấy!

Căn bệnh này từ xưa tới nay đều có, tổ sư đại đức còn chưa tránh được! Chúng ta xem truyện ký, quý vị thấy Thi Tổ của Luật Tông Trung Quốc là Chung Nam Sơn Đạo Tuyên luật sư sống vào đời Đường, Ngài còn phạm phải bệnh ấy, Thi Tổ Luật Tông đây nhé! Khi Khuy Cơ đại sư đến bái phỏng, Khuy Cơ là pháp sư Đại Thừa, chẳng coi trọng tiểu tiết, rất tùy tiện, rất qua loa, thoạt nhìn sẽ tưởng Ngài giới luật chẳng trang nghiêm. Ngài Đạo Tuyên giới luật tinh nghiêm, cảm động thiên thần đến cúng dường. Giới luật tinh nghiêm khiến thiên thần bội phục, giữa trưa mỗi ngày, Ngài ăn một bữa, cơm do vị trời ấy đến cúng dường, mỗi ngày cúng dường cho Ngài. Khi pháp sư Khuy Cơ đến thăm, ngài Đạo Tuyên coi thường pháp sư Khuy Cơ, nghĩ pháp sư Khuy Cơ học vấn rất khá, giảng kinh cũng hay lắm, nhưng chẳng tuân thủ giới luật, nên xem thường! Khi pháp sư Khuy Cơ đến núi, ngài Đạo Tuyên cảm thấy có thể khiến cho pháp sư Khuy Cơ thấy rõ: “Thiên thần cúng dường ta, còn ông chẳng có. Giới luật của ta cao hơn ông”. Kết quả là hôm đó, vị trời ấy chẳng đến dâng cúng, Sư phải nhịn đói suốt một ngày. Đến ngày hôm sau, Khuy Cơ đại sư đã rời đi, ngày hôm ấy vị trời đó mới đến cúng dường. Sư liền hỏi vị ấy: “Vì sao hôm qua, ông chẳng đến cúng dường?” Vị trời ấy liền nói: “Hôm qua có bậc Đại Thừa Bồ Tát ở trên núi, thần hộ pháp bảo vệ khắp núi, tôi chẳng vào được!” Pháp sư Đạo Tuyên nghe nói, khắp người tươm mồ hôi lạnh, hổ thẹn! Mới biết chính mình kiêu căng, ngã mạn, thật sự cầu sám hối.

Do vậy, Đại Thừa và Tiểu Thừa khác nhau. Tiểu Thừa chú trọng sự tướng, Đại Thừa coi trọng tâm thanh tịnh. Tuy bề ngoài dường như chẳng tuân thủ giới luật, nhưng tâm địa thanh tịnh hơn quý vị. Quý vị giới luật rất đoan nghiêm, nhưng tâm địa chẳng thanh tịnh như người ta! Vì thế, trong pháp Đại Thừa, giới luật Đại Thừa luận tâm, chẳng luận sự. Giới Đại Thừa là giới nơi tâm, chẳng nhấn mạnh sự tướng. Giới luật Tiểu Thừa luận sự, chẳng luận tâm. Giới luật Tiểu Thừa chú trọng bề ngoài, tâm địa thanh tịnh hay chẳng thanh tịnh, không bàn đến! Vì thế, kết tội cũng giống như thế. Ví như nói đến sát sanh, trong giới Tiểu Thừa, sát hại thân mạng chúng sanh là phá giới; trong tâm nghĩ giết, nhưng trọn chẳng giết thì chẳng phá giới. Họ luận sự, chẳng luận tâm, giống như pháp luật hiện thời xử án, hoàn toàn phải có chứng cứ sự thật, cách nghĩ trong tâm như thế nào chẳng quan trọng, chẳng coi đó là chuyện phạm pháp. Giới luật Đại Thừa khác hẳn. Giới luật Đại Thừa luận tâm, chẳng luận sự. Trong tâm dấy lên ý niệm, ta muốn giết kẻ khác, tức là phá giới! Trên sự thật, có giết hay không? Chưa giết, tuy

chưa giết, đã là phá giới. Nếu nói Đại Thừa Bồ Tát giết một người, nhưng trong tâm chẳng động một niệm, trọn chẳng nghĩ đến chuyện giết người đó, tức là chẳng phạm pháp, chẳng phá giới. Họ luận tâm, chẳng luận sự. Giới Tiểu Thừa luận sự, chẳng luận tâm, khác nhau! Vì thế, đoạn ác sanh thiện trong Đại Thừa hoàn toàn nói theo tâm tánh, chẳng giống Tiểu Thừa. Tiểu Thừa nói theo sự tướng.

Vì thế, chúng ta cũng phải phân biệt rõ ràng công đức và phước đức. Có cần phải tu phước đức hay không? Phải tu, chẳng thể nào không có phước! Không có phước thì làm chuyện gì cũng đều gặp khó khăn, có phước sẽ làm làm việc thuận tiện. Như chúng tôi, tôi chẳng có phước, trong đời quá khứ tu huệ, chẳng tu phước, nên đời này rất khổ, sống cuộc đời rất khổ sở, duyên giúp đỡ chúng sanh cũng chẳng trọn đủ. Xác thực là phải phước huệ song tu.

Chúng ta xem đoạn văn kế tiếp: *“Thử giai thiên cử, cụ luận tất bị”* (Những điều này đều là nêu riêng một điều, phải nói trọn hết thì mới là đầy đủ). Ở đây nói tới lực, dụng, công, đức, mỗi chữ đều là nói tách rời, đó gọi là *“thiên cử”*, nhưng xét theo tác dụng thì lực, dụng, công, đức đều viên mãn. *“Khổ thị ác quả, tham, khuể, si thị ác nhân, ác nhân bất trừ, quả bất đắc tạ”* (Khổ là ác quả, tham, giận, si là ác nhân. Chẳng trừ ác nhân thì quả chẳng thể tàn diệt được). Khổ là lực đạo luân hồi, đó là chân khổ. Cái nhân của khổ là gì? Là tham, sân, si, *“khuể”* (恚) là sân khuể. Tham, sân, si là khổ nhân. Khổ nhân rất nhiều, nhưng ba điều này quan trọng nhất. Nếu nói chi tiết, sau tham, sân, si, còn có ngạo mạn và hoài nghi thánh giáo, chẳng thể tin nhận giáo huấn của chư Phật, Bồ Tát, tổ sư, đại đức, đó là Nghi. Lại còn có cách nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm, đó là ác kiến, càng nhiều hơn nữa! Những thứ ấy đều là khổ nhân. Nếu chẳng dẹp trừ khổ nhân, quý vị mong lìa khổ, được vui, chắc chắn sẽ không đạt được. *“Thị cố thử kinh năng linh Ngũ Nghịch tội diệt, vãng sanh Tịnh Độ, tức thị thử kinh chi đại lực dụng dã”* (Vì vậy, kinh này có thể diệt tội Ngũ Nghịch, vãng sanh Tịnh Độ. Đây chính là lực dụng to lớn của kinh này). Bộ kinh này có thể khiến cho [kẻ phạm tội] Ngũ Nghịch, Ngũ Nghịch khổ nhất, khổ đến tội bậc, đều có thể lìa khổ, được vui; có thể thấy lực dụng và công đức của kinh này thật sự là thù thắng khôn sánh. Sự thù thắng ấy rốt ráo là gì? Chính là lý luận và phương pháp được nói trong kinh này. Nếu chúng ta chẳng hiểu rõ lý luận, sẽ chẳng thể đoạn hoài nghi. Nếu chúng ta chẳng hiểu rõ phương pháp, sẽ chẳng biết cách tu như thế nào! Kinh này bày ra trước mặt, tuy là thù

thắng bậc nhất, đối với chúng ta vẫn chẳng khởi lên tác dụng gì! Vì vậy, phải thật sự hiểu đạo lý và phương pháp tu hành trong kinh này!

Vì thời gian của khóa giảng đúng là ngắn ngủi, phải nói thật sự: Bản này là bản đại lược, chẳng phải là bản hoàn bị. Bản hoàn bị tặng cho quý vị được đóng bìa cứng dày cộp như vậy, cả một bộ sách to. Bộ sách to ấy mới là bản hoàn toàn, bản này là tiết lược từ bản ấy; nhưng quý vị thấy bản ấy dày như vậy, nếu chúng tôi giảng cặn kẽ một lượt, mỗi ngày giảng một lần, giống như thông thường chúng tôi giảng kinh một tiếng rưỡi, tối thiểu phải giảng một năm, không mất một năm sẽ chẳng giảng được. Nay chúng tôi giảng Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa, quý vị thấy bộ sách ấy, giảng từ đầu đến cuối một lượt phải giảng hơn bốn trăm lần, mỗi lần giảng một tiếng rưỡi, giảng hơn một năm, giảng mỗi ngày đây nhé! Tôi không có đủ duyên như vậy, phải thường đi ra ngoài, một năm chỉ có thể ở tại Đài Loan bốn tháng, nên bộ kinh này phải giảng rất nhiều năm mới có thể giảng viên mãn. Hy vọng mọi người thật sự có thể phát tâm, học kỹ càng, học đôi ba năm thành công, quý vị có thể thay tôi đi giảng ở ngoại quốc. Tôi chẳng cần đi ra ngoài, ngồi ở nơi đây, một năm giảng xong một bộ kinh lớn như vậy, lại còn có thể giảng mấy bộ, sẽ thật sự hữu ích cho các vị đồng tu, có lợi ích chân thật.

Nói thật ra, học giảng kinh không cần lập Phật Học Viện. Từ xưa tới nay, tại Trung Quốc chưa hề nghe nói lập Phật Học Viện. Từ lịch sử Trung Quốc, chúng ta chẳng tra cứu thấy [chuyện ấy], trong ngữ lục và sơn chí của các tông cũng chẳng thấy. Huấn luyện nhân tài như thế nào? Huấn luyện bằng giảng tiểu tòa, bằng lối phức giảng. Ví như buổi tối tôi giảng kinh thì người thật sự học giảng kinh lúc tôi giảng vào buổi tối, sẽ lắng nghe chăm chú. Tới sáng hôm sau, quý vị giảng lặp lại một lượt, học như vậy sẽ thành công. Trong quá khứ, tôi theo học với thầy Lý ở Đài Trung, cũng là giảng tiểu tòa, phức giảng. Khi đó, thầy Lý giảng kinh Lăng Nghiêm, thầy giảng một lần, tôi cũng giảng từ đầu đến cuối một lần. Khi thầy giảng là giảng trong giảng đường cho mọi người nghe, lúc tôi giảng là giảng cho sáu bạn học nghe. Lớp học của tôi chỉ có bảy người, kể cả tôi trong số đó, tôi giảng, sáu người kia nghe, nhưng cả sáu người đều học giảng kinh, đều là người trong nghề, nên sau khi tôi giảng xong, sáu người bọn họ sẽ phê bình, chỉ dạy tôi. Cát gọt, mài giũa lẫn nhau như vậy thì mới có thể học thành công. Vì thế, chẳng phải là xuất thân từ Phật Học Viện.

Thật sự học giảng kinh, nhất định phải học tiểu tòa, học tiểu tòa là học giảng. Các pháp sư thuộc thế hệ trước đều theo phương pháp này.

Pháp sư Diễn Bôi xuất thân từ lời học tiểu tòa chùa Quán Tông, chính lão nhân gia kể với tôi. Ngài cũng xuất gia từ lúc rất bé, theo học với lão pháp sư Đế Nhân, được cụ Đế Nhân đặt vững cơ sở, cũng là giảng tiểu tòa, bắt Ngài phục giảng. Sau này, khi pháp sư Đế Nhân viên tịch, Ngài theo học với pháp sư Thái Hư. Theo học với pháp sư Thái Hư thì quý vị thấy pháp sư Thái Hư giảng rất nhiều thứ. Trong Thái Hư Pháp Sư Toàn Thư, có chẳng ít bài giảng do pháp sư Diễn Bôi ghi chép, thay đại sư chỉnh lý bút ký. Xuất thân như vậy thì mới là thiết thực, kiên cố. Trong đoạn chú giải này, cũng chú thích không ít, chúng ta đọc một lần là được rồi. Quý vị xem trang tám mươi hai, đọc từ câu cuối cùng trong hàng thứ nhất.

“*Tu tri diệt ác, cực u A Tỳ*” (Cần biết diệt ác thì tốt bậc là A Tỳ). A Tỳ là A Tỳ địa ngục. Đây nói tới phương diện ác, ác tới tốt bậc. Tội nghiệp như thế nào sẽ đọa trong A Tỳ địa ngục? Tào tội nghiệp Ngũ Nghịch! Ngũ Nghịch là sát cha, giết mẹ. Cha mẹ sanh thành ta, ân nuôi dưỡng quá to, suốt đời báo đáp chẳng hết. Tội giết cha mẹ vô cùng to lớn, phải đọa A Tỳ địa ngục. A Tỳ (Avīci) là tiếng Phạn phiên âm, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Gián địa ngục, tức là tội nhân chịu khổ chẳng gián đoạn, là cõi địa ngục như vậy. “*Sanh thiện, chí u Diệu Giác*” (Sanh thiện thì đạt đến Diệu Giác). Trong sanh thiện thì tối thiện là thành Phật, Diệu Giác là thành Phật, còn cao hơn Đẳng Giác. Đẳng Giác Bồ Tát còn có một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn. Nói cách khác, điều thiện của Ngài còn chưa đạt đến tốt đỉnh. Thành Phật thì vô minh phiền não thấy đều đoạn sạch sành sanh, sanh thiện đạt tới tốt bậc. “*Phương thị Viên kinh lực dụng công đức*” (Mới là lực dụng và công đức của kinh Viên Giác), lực dụng và công đức của kinh điển Đại Thừa Viên Giác mới đạt đến viên mãn rất ráo. Đây là nói các kinh Đại Thừa, như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Viên Giác, Lăng Nghiêm, đều thuộc loại này. Tịnh Độ Tam Kinh cũng là Đại Thừa Viên Giác, đều có đại lực dụng như vậy.

Đoạn kế tiếp dạy chúng ta: Diệt ác thì diệt ác nhân, chứ diệt ác quả thì diệt từ quả sẽ chẳng có tác dụng, chẳng trừ quả được, phải thực hiện từ nhân. Nhân là gì? Nhân nói theo tổng cương lĩnh sẽ là vọng tưởng, chấp trước. Nếu nói thô thiển một chút, sẽ là tư tưởng và kiến giải sai lầm, cùng với các phiền não tham, sân, si, mạn. Nếu chư vị thật sự hiểu đạo lý này, chúng ta đọc sách sẽ chẳng thể tùy tiện đọc. Nghe người khác giảng này nọ, cũng chẳng thể tùy tiện nghe, do nguyên nhân nào? Sách ấy có phải là một quyển sách tốt hay không? Sách ấy giúp chúng ta đoạn phiền

não, hay là vãn tăng trưởng phiền não của chúng ta? Phải biết điều này! Nếu sách ấy có thể giúp cho tâm địa chúng ta thanh tịnh; đó là sách tốt. Sách ấy khiến cho chúng ta dấy lên vọng tưởng, sách ấy chẳng phải là sách tốt. Trước đây, trong thời đại đế vương, hiện thời có rất nhiều người phản đối đế chế, nói thời đại đế vương chẳng tốt như thế này, như thế nọ. Nói thật ra, tôi nghĩ thời đại đế vương là tốt đẹp. Tôi giảng kinh ở Tân Gia Ba, có một hôm pháp sư Diên Bồi và tôi tán gẫu. Sư nói: “Này pháp sư! Ông tán thành hoàng đế, hay tán thành dân chủ?” Tôi nói: “Tôi tán thành hoàng đế. Cố nhiên dân chủ có chỗ rất tốt, nhưng so sánh giữa đôi bên, dân chủ có nhiều chỗ không tốt, chỗ tốt đẹp ít ỏi. Chế độ đế vương có nhiều điều tốt đẹp, chỗ không tốt đẹp ít”.

Ví dụ như nói đến chuyện ô nhiễm về phương diện tư tưởng. Trước đây, trong thời đại đế vương chuyên chế, chẳng có tự do ngôn luận và tự do xuất bản, đó là sự thật. Quý vị xuất bản một quyển sách, phải được quốc gia thẩm tra, [xét thấy] ngôn luận và tư tưởng của quý vị trong ấy chẳng có hại đối với quốc dân, không đến nỗi dẫn dắt họ theo tà tư tà kiến thì mới cho phép quý vị lưu thông, cho quý vị xuất bản. Hiện thời dễ lắm, hết thầy đều tự do cởi mở. Hễ tự do cởi mở thì bất cứ tà tri tà kiến, những thứ kỳ quái cỡ nào cũng đều xô lòng! Chúng ta không có công phu định lực, chẳng có trí huệ, hễ tiếp xúc đều tưởng đó là thật. Vì thế, tư tưởng và kiến giải trong thế gian này bị ô nhiễm, còn nghiêm trọng hơn sự ô nhiễm trên địa cầu. Thời đại đế vương chẳng tự do, nhưng chúng ta còn có thể sống đời thái bình. Hiện thời tự do, chẳng sống được một ngày thái bình nào! Các vị nghĩ xem, thời đại nào tốt đẹp hơn? Vì lẽ đó, tôi vẫn tán thành hoàng đế tốt đẹp hơn. A! Thời gian đã hết rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!